

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 61/2018/DS-GĐT

Ngày: 05-10-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

*- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội gồm có:* 11 thành viên tham gia xét xử, do ông **Phạm Văn Hà** - Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội làm Chủ tọa phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Ông Phạm Văn Hòa, Kiểm sát viên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 05-10-2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa Giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Phố Y, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1976 và vợ là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Xóm B, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2006 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, cuối năm 2003, vợ chồng anh Nguyễn Trọng M1 và chị Nguyễn Thị H có đặt vấn đề vay anh số tiền 260.000.000đ, thời điểm này anh đang làm cán bộ tín dụng và do tin tưởng nên anh đã nhất trí cho vay. Hết hạn, anh M1 và chị H khát nợ đến ngày 16/12/2004 sẽ trả, xong đến ngày hẹn cũng không trả. Ngày 06/01/2005 anh lại lên nhà đòi, vợ chồng anh M1 chị H hứa đến ngày 16/01/2005 sẽ trả 80.000.000đ, xong cũng không thực hiện. Một thời gian sau anh lên nhà thì thấy mọi người nói anh

M1 đã bị đi tù. Nay anh M khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh M1 và chị H phải trả cho anh 260.000.000đ gốc và lãi tính từ tháng 01/2005. Lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Nguyễn Trọng M1 trình bày: Giữa anh và anh M có mối quan hệ làm ăn và trao đổi tiền tệ, có mối quan hệ tin tưởng và thân thiết nên việc làm ăn được thanh toán sòng phẳng, không liên quan đến vợ con; khi giao dịch không cần phải lập giấy tờ biên nhận hay tài sản thế chấp. Từ năm 2000, lúc thì anh đến nhà anh M lấy tiền, ngược lại anh M cũng đến nhà anh lấy tiền, mỗi lần từ vài chục triệu đến hàng trăm triệu. Năm 2004, anh bị khởi tố về tội đánh bạc, anh M lo mất tiền nên đã ép anh phải tự viết giấy nhận nợ số tiền 260.000.000đ, chữ ký của vợ anh trong giấy biên nhận nợ là do bị anh M ép buộc. Sau khi viết giấy vay nợ, năm 2004 anh đã trả đủ anh M 260.000.000đ, ngày tháng trả không nhớ. Khi trả vì tin tưởng nên không bắt anh M phải viết giấy biên nhận tiền. Anh chỉ xác nhận còn nợ anh M 30.000.000đ là khoản lợi nhuận khi kinh doanh tiền với nhau. Do vậy anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh M.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị H là vợ anh Nguyễn Trọng M1 trình bày: Chị không quen biết với anh Nguyễn Duy M, chị gặp anh M một lần vào tháng 01/2004 khi anh M vào ép buộc chị phải ký vào giấy nhận nợ; nội dung giấy nhận nợ như thế nào chị không biết vì anh M gập đôi tờ giấy và buộc chị ký, khi đó còn có 05 người khác đi cùng anh M tay cầm gậy gộc. Sự việc này chị không báo chính quyền địa phương nhưng có nhiều người biết. Chị không vay nợ gì anh M, còn chồng chị có vay nợ hay không chị không biết. Do vậy chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh M.

- Ngày 05/12/2006, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý vụ án. Theo đề nghị của anh Nguyễn Duy M, ngày 30/01/2007 Tòa án nhân dân huyện M ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2007/QĐ-BPKCTT, nội dung: "*Kê biên 01 nhà tường xây đổ mái bằng và diện tích đất ở, đất vườn 295m<sup>2</sup> hiện anh Nguyễn Trọng M1 và chị Nguyễn Thị H đang ở tại Xóm G, thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc (tờ bản đồ số 17, danh pháp 299 đo đạc 1991, thửa 449) để đảm bảo thi hành án*".

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2007/DS-ST ngày 26/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện M và bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày 25/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đều xác định nghĩa vụ thanh toán của vợ chồng anh Nguyễn Trọng M1, chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Duy M. Quyết định buộc vợ chồng anh Nguyễn Trọng M1, chị Nguyễn Thị H thanh toán

tổng số 313.625.000đ gồm 260.000.000đ tiền gốc và 53.625.000đ tiền lãi tính từ ngày 12/01/2005 đến ngày xét xử sơ thẩm; đồng thời tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2007/QĐ-BPKCTT ngày 30/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện M để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra, Tòa án hai cấp còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Theo công văn 319/VKSTC-C1(P3) ngày 15/6/2017 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã tiến hành kê biên bổ sung đối với một số tài sản khác trên nhà đất đã kê biên rồi tiến hành định giá, bán đấu giá đối với toàn bộ nhà đất và tài sản khác trên đất kê biên của gia đình anh M1 và chị H đang ở cho người mua trúng đấu giá là ông Trần Mạnh Hà. Số tiền bán đấu giá đã được chi trả cho nghĩa vụ thi hành án của anh M1 và chị H. Tuy nhiên đến nay chưa bàn giao được tài sản bán đấu giá cho người mua trúng đấu giá là ông Trần Mạnh Hà.

Tại Quyết định kháng nghị theo thủ tục tái thẩm số 14/KNTT-VC1-DS ngày 03/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày 25/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và bản án dân sự sơ thẩm số 36/2007/DS-ST ngày 26/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện M, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật với lý do: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2007/QĐ-BPKCTT ngày 30/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện M kê biên tài sản nhà, đất của hộ gia đình trong đó có bà C để đảm bảo việc thi hành án của vợ chồng anh Nguyễn Trọng M1 là không đúng; tòa án hai cấp không đưa bà C vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên họp ngày 05/10/2018: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên Quyết định kháng nghị nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về mặt hình thức: Quyết định kháng nghị số 14/KNTT-VC1-DS ngày 03/4/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là kháng nghị theo thủ tục tái thẩm nhưng kháng nghị lại căn cứ Điều 326, Điều 331, khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là các quy định về kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để kháng nghị tái thẩm là không chính xác.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2007/DS-ST ngày 26/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện M và bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày

25/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chính xác. Trong vụ án này, anh Nguyễn Duy M là người cho vay tài sản (tiền) và là người khởi kiện; anh Nguyễn Trọng M1 và chị Nguyễn Thị H là người vay tài sản, đến hạn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và là người bị anh Nguyễn Duy M khởi kiện. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện M và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Nguyễn Duy M là nguyên đơn; anh Nguyễn Trọng M1 và chị Nguyễn Thị H là bị đơn là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 56 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 1995. Bà Nguyễn Thị C (mẹ anh Nguyễn Trọng M1) không liên quan đến việc vay nợ nên không thể xác định bà C là đương sự trong vụ án. Vì vậy, Quyết định kháng nghị tái thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không đưa bà Nguyễn Thị C vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Khoản 1 Điều 352 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định một trong các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm là: "Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án". Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị C không được xác định là "đương sự" do vậy không thỏa mãn căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

[4] Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2007/DS-ST ngày 26/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện M và bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày 25/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết, xác định đúng và đủ các đương sự trong vụ án, việc giải quyết về nội dung chính xác và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[5] Do Quyết định kháng nghị tái thẩm số 14/KNTT-VC1-DS ngày 03/4/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không thỏa mãn các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, việc viện dẫn quy định của pháp luật không chính xác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị theo thủ tục tái thẩm số 14/KNTT-VC1-DS ngày 03/4/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2007/DS-ST ngày 26/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện M và bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày 25/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.
- TAND huyện M, thành phố Hà Nội.
- Chi cục THADS huyện M, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HSVA, Phòng GDKT 2 ( 02 bản ).

**T.M ỦY BAN THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( đã ký )  
Phạm Văn Hà**